

KT3-02771AMT4

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10/06/2024
Trang/ Page 01 / 01

- Tên mẫu : MẪU NƯỚC SẠCH NHÀ MÁY NƯỚC HÒA KHÁNH TÂY
Name of sample : Thời gian lấy mẫu/ Sampling date: 08h00 - 03/06/2024
- Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
Description : Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
- Dạng mẫu: lỏng;
Form: the liquid;
- Số đơn vị/mẫu: 10 L x 02;
Unit/sample: 10 L x 02;
- Dụng cụ chứa: bình nhựa;
Container: plastic bottle;
- Số lượng mẫu : 01
Quantity
- Ngày nhận mẫu : 03/06/2024
Date of receiving
- Thời gian thử nghiệm : 03/06/2024 – 10/06/2024
Testing duration
- Nơi gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG PHÚ MỸ VINH
Customer : Ấp Bình Hữu 2, Xã Đức Hòa Thượng, Huyện Đức Hoà, Tỉnh Long An, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo / See next page
Testing results

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL TESTING LAB

Nguyễn Hoàng Linh

TL. GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB



Ngô Quốc Việt



KT3-02771AMT4

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10/06/2024
Trang/ Page 02 / 011

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01- 1:2018/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
7.1	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	15	KPH	5,0
7.2	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	2	KPH	0,5
7.3	Độ pH (tại 25 °C) pH value (at 25 °C)	-	TCVN 6492:2011	6,0 - 8,5	6,9	-
7.4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) Total dissolved solids content	mg/L	SMEWW 2540C:2023	1000	33,5	-
7.5	Độ cứng tổng số (tính theo CaCO ₃) Total hardness as CaCO ₃	mg/L	SMEWW 2340C:2023	300	14,3	-
7.6	Hàm lượng nhôm (Al) Aluminium content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,2	0,06	-
7.7	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N) Ammonium nitrogen content	mg/L	US EPA Method 350.2 (So màu/ Colorimetric)	0,3	KPH	0,1
7.8	Hàm lượng antimon (Sb) Antimony content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,02	KPH	0,003
7.9	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,01	KPH	0,0005
7.10	Hàm lượng bari (Ba) Barium content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,7	KPH	0,01
7.11	Hàm lượng cadimi (Cd) Cadmium content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,003	KPH	0,0005
7.12	Hàm lượng clorua (Cl ⁻) Chloride content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	250 (hoặc 300)	9,4	-
7.13	Hàm lượng crôm (Cr) Chromium content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,05	KPH	0,003

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-02771AMT4

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10/06/2024
 Trang/ Page 03 / 011

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01-1:2018/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
7.14	Hàm lượng đồng (Cu) Copper content	mg/L	US EPA Method 200.8	1	KPH	0,01
7.15	Hàm lượng cyanua tổng (CN ⁻) Cyanide content	mg/L	TCVN 6181 : 1996	0,05	KPH	0,005
7.16	Hàm lượng florua (F ⁻) Fluoride content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	1,5	KPH	0,03
7.17	Hàm lượng sắt (Fe) Iron content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,3	< 0,02 (**)	0,01
7.18	Hàm lượng chì (Pb) Lead content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,01	KPH	0,003
7.19	Hàm lượng mangan (Mn) Manganese content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,1	KPH	0,01
7.20	Hàm lượng thủy ngân (Hg) Mercury content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,001	KPH	0,0002
7.21	Hàm lượng niken (Ni) Nickel content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,07	KPH	0,003
7.22	Hàm lượng nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) Nitrate nitrogen content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	2	KPH	0,03
7.23	Hàm lượng nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) Nitrite nitrogen content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	0,05	KPH	0,01
7.24	Hàm lượng selen (Se) Selenium content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,01	KPH	0,003
7.25	Hàm lượng natri (Na) Sodium content	mg/L	SMEWW 3111B:2023	200	4,07	-
7.26	Hàm lượng sulfate (SO ₄ ²⁻) Sulfate content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	250	1,8	-
7.27	Hàm lượng kẽm (Zn) Zinc content	mg/L	US EPA Method 200.8	2	KPH	0,01
7.28	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	2	KPH	1,0

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
 3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-02771AMT4

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10/06/2024
 Trang/ Page 04 / 011

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01-1:2018/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
7.29	Hàm lượng 2,4,6-Trichlorophenol 2,4,6-Trichlorophenol content	µg/L	QTTN/KT3 174:2022 (Ref. US EPA Method 8321B)	200	KPH	20
7.30	Hàm lượng phenol và dẫn xuất phenol Phenols content	µg/L	TCVN 6216:1996	1	KPH	0,3
7.31	Hàm lượng acrylamide Acrylamide content	µg/L	QTTN/KT3 158:2022	0,5	KPH	0,1
7.32	Hàm lượng epiclohydrin Epiclohydrin content	µg/L	US EPA Method 8260D	0,4	KPH	0,15
7.33	Hàm lượng 2,4-D 2,4-D content	µg/L	US EPA Method 8321B	30	KPH	1,0
7.34	Hàm lượng MCPA MCPA content	µg/L	US EPA Method 8321B	2	KPH	1,0
7.35	Hàm lượng 2,4-DB 2,4-DB content	µg/L	US EPA Method 8321B	90	KPH	1,0
7.36	Hàm lượng dichloprop Dichloprop content	µg/L	US EPA Method 8321B	100	KPH	1,0
7.37	Hàm lượng fenoprop Fenoprop content	µg/L	US EPA Method 8321B	9	KPH	1,0
7.38	Hàm lượng mecoprop (MCPP) Mecoprop content	µg/L	US EPA Method 8321B	10	KPH	1,0
7.39	Hàm lượng Molinate Molinate content	µg/L	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	6	KPH	0,05
7.40	Hàm lượng Alachlor Alachlor content	µg/L	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	20	KPH	0,05

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chỉ tiêu chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-02771AMT4

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10/06/2024
 Trang/ Page 05 / 011

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01- 1:2018/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
7.41	Hàm lượng aldicarb <i>Aldicarb content</i>	µg/L	US EPA Method 8321B	10	KPH	1,0
7.42	Hàm lượng carbofuran <i>Carbofuran content</i>	µg/L	US EPA Method 8321B	5	KPH	1,0
7.43	Hàm lượng chlopyrifos <i>Chlopyrifos content</i>	µg/L	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	30	KPH	1,0
7.44	Hàm lượng chlordane ⁽³⁾ <i>Chlordane content</i>	µg/L	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	0,2	KPH	0,05
7.45	Hàm lượng methoxychlor <i>Methoxychlor content</i>	µg/L	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	20	KPH	0,05
7.46	Hàm lượng trifuralin <i>Trifuralin content</i>	µg/L	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	20	KPH	0,05
7.47	Hàm lượng chlorotoluron <i>Chlorotoluron content</i>	µg/L	US EPA Method 8231B	30	KPH	1,0
7.48	Hàm lượng permethrin <i>Permethrin content</i>	µg/L	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	20	KPH	0,1
7.49	Hàm lượng isoproturon <i>Isoproturon content</i>	µg/L	US EPA Method 8231B	9	KPH	1,0
7.50	Hàm lượng pendimethalin <i>Pendimethalin content</i>	µg/L	US EPA Method 8231B	20	KPH	5,0
7.51	Hàm lượng propanil <i>Propanil content</i>	µg/L	US EPA Method 8231B	20	KPH	1,0

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*



KT3-02771AMT4

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10/06/2024
Trang / Page 06 / 011

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01-1:2018/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
7.52	Hàm lượng simazine Simazine content	µg/L	US EPA Method 8231B	2	KPH	1,0
7.53	Hàm lượng cyanazine Cyanazine content	µg/L	US EPA Method 536	0,6	KPH	0,25
7.54	Hàm lượng hydroxyatrazine (atrazine-2-hydroxy) Hydroxyatrazine content	µg/L	US EPA Method 536	200	KPH	1,0
7.55	Hàm lượng atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine	-	US EPA Method 536	100	-	-
	+ Atrazine	µg/L		-	KPH	1,0
	+ Atrazine-desisopropyl	µg/L		-	KPH	1,0
	+ Atrazine-desethyl	µg/L		-	KPH	1,0
	+ Atrazine-desethyl-desisopropyl	µg/L		-	KPH	10
7.56	Hàm lượng bromat (BrO ₃ ⁻) Bromate content	µg/L	SMEWW 4110 D:2023	10	KPH	4
7.57	Hàm lượng axit monocloroaxetic Monochloroacetic acid content	µg/L	US EPA Method 552.3	20	KPH	5,0
7.58	Hàm lượng axit dicloroaxetic Dichloroacetic acid content	µg/L	US EPA Method 552.3	50	< 10 (**)	5,0
7.59	Hàm lượng axit tricloroaxetic Trichloroacetic acid content	µg/L	US EPA Method 552.3	200	8	-
7.60	Hàm lượng dicloroaxetonitril Dicloroaxetonitril content	µg/L	US EPA Method 551.1	20	KPH	0,2

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chỉ tiêu chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*



KT3-02771AMT4

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10/06/2024
 Trang/ Page 07 / 011

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01- 1:2018/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
7.61	Hàm lượng dibromoaxetonitril <i>Dibromoaxetonitril content</i>	µg/L	US EPA Method 551.1	70	KPH	0,2
7.62	Hàm lượng trichloroaxetonitril <i>Trichloroaxetonitril content</i>	µg/L	US EPA Method 551.1	1,0	KPH	0,2
7.63	Hàm lượng formaldehyde <i>Formaldehyde content</i>	µg/L	QTTN/KT3 159:2022	900	KPH	100
7.64	Hàm lượng monocloramin <i>Monochloramine content</i>	mg/L	TCVN 6225- 2:2021	3,0	KPH	0,02
7.65	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) <i>Free chlorine content</i>	mg/L	TCVN 6225- 2:2021	0,2 - 1,0	0,4	-
7.66	Hoạt độ phóng xạ alpha tổng <i>Gross alpha Radioactivity</i>	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	0,1	KPH	0,05
7.67	Hoạt độ phóng xạ beta tổng <i>Gross beta Radioactivity</i>	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	1,0	KPH	0,3
7.68	Hàm lượng Bo (B) (tính chung cho cả Borat và Axit boric) <i>Boron content (Boron and boric acid)</i>	mg/L	US EPA Method 200.8	0,3	KPH	0,01
7.69	Hàm lượng sulfur (S ²⁻) <i>sulfur (sulfide) content</i>	mg/L	SMEWW 4500 S ²⁻ ,D:2023	0,05	KPH	0,02
7.70	Hàm lượng DDT và các dẫn xuất (DDTs) <i>DDTs content</i>	-	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	1	-	-
	+ 4,4'-DDD	µg/L		-	KPH	0,05
	+ 4,4'-DDE	µg/L		-	KPH	0,05
	+ 4,4'-DDT	µg/L		-	KPH	0,05

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*



KT3-02771AMT4

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10/06/2024
 Trang/ Page 08 / 011

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01- 1:2018/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
7.71	Hàm lượng dichloromethane <i>Dichloromethane content</i>	µg/L	US EPA Method 8260D	20	KPH	2
7.72	Hàm lượng 1,2-dichloroetan <i>1,2-dichloroethane content</i>	µg/L	US EPA Method 8260D	30	KPH	0,5
7.73	Hàm lượng 1,1,1-trichloroetan <i>1,1,1-trichloroethane content</i>	µg/L	US EPA Method 8260D	2000	KPH	0,5
7.74	Hàm lượng carbontetraclorua <i>Carbontetrachloride content</i>	µg/L	US EPA Method 8260D	2	KPH	0,5
7.75	Hàm lượng 1,2-dichloroeten <i>1,2-dichloroethene content</i>	µg/L	US EPA Method 8260D	50	KPH	0,5
7.76	Hàm lượng trichloroeten <i>Trichloroethene content</i>	µg/L	US EPA Method 8260D	20	KPH	0,5
7.77	Hàm lượng tetrachloroeten <i>Tetrachloroethene content</i>	µg/L	US EPA Method 8260D	40	KPH	0,5
7.78	Hàm lượng vinyl clorua <i>Vinyl chloride content</i>	µg/L	US EPA Method 8260D	0,3	KPH	0,1
7.79	Hàm lượng benzen <i>Benzene content</i>	µg/L	US EPA Method 8260D	10	KPH	0,5
7.80	Hàm lượng toluen <i>Toluene content</i>	µg/L	US EPA Method 8260D	700	KPH	0,5
7.81	Hàm lượng xylen <i>Xylene content</i>	µg/L	US EPA Method 8260D	500	-	-
	+ m+p-xylene	µg/L		-	KPH	1,0
	+ o-xylene	µg/L		-	KPH	0,5
7.82	Hàm lượng ethylbenzen <i>Ethylbenzene content</i>	µg/L	US EPA Method 8260D	300	KPH	0,5

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*





KT3-02771AMT4

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10/06/2024
 Trang/ Page 09 / 011

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01-1:2018/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
7.83	Hàm lượng styren Styrene content	µg/L	US EPA Method 8260D	20	KPH	0,5
7.84	Hàm lượng monoclorobenzen Monoclorobenzen content	µg/L	US EPA Method 8260D	300	KPH	0,5
7.85	Hàm lượng 1,2-diclorobenzen 1,2-diclorobenzen content	µg/L	US EPA Method 8260D	1000	KPH	0,5
7.86	Hàm lượng tricloclorobenzen Tricloclorobenzen content		US EPA Method 8260D	20	-	-
	+ 1,2,3-trichlorobenzene	µg/L		-	KPH	0,5
	+ 1,2,4-trichlorobenzene	µg/L		-	KPH	0,5
	+ 1,3,5-trichlorobenzene	µg/L		-	KPH	0,5
7.87	Hàm lượng hexacloro butadien Hexacloro butadien content	µg/L	US EPA Method 8260D	0,6	KPH	0,25
7.88	Hàm lượng 1,2-dibromo-3-cloropropan 1,2-dibromo -3-chloropropan content	µg/L	US EPA Method 8260D	1	KPH	0,5
7.89	Hàm lượng 1,2-dicloropropan 1,2-dicloropropan content	µg/L	US EPA Method 8260D	40	KPH	0,5
7.90	Hàm lượng 1,3-dicloropropan 1,3-dicloropropan content	µg/L	US EPA Method 8260D	20	KPH	1,0
7.91	Hàm lượng bromoform Bromoform content	µg/L	US EPA Method 8260D	100	KPH	1,0

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-02771AMT4

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10/06/2024
 Trang/ Page 010 / 011

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01- 1:2018/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
7.92	Hàm lượng dibromochloromethane <i>Dibromochloromethane content</i>	µg/L	US EPA Method 8260D	100	KPH	1,0
7.93	Hàm lượng bromodichloromethane <i>Bromodichloromethane content</i>	µg/L	US EPA Method 8260D	60	8	-
7.94	Hàm lượng chloroform <i>Chloroform content</i>	µg/L	US EPA Method 8260D	300	30	-
7.95	Mùi, vị <i>Odor & taste</i>	-	SMEWW 2150C:2023, SMEWW 2160B:2023(*)	Không có mùi, vị lạ <i>No have strange Odor; taste</i>	Không có mùi, vị lạ <i>No have strange Odor; taste</i>	-
7.96	Tổng số coliform <i>Total coliform</i>	CFU/100 mL	ISO 9308– 1:2014 / Amd.1:2016	< 3	< 1(***)	-
7.97	Escherichia coli	CFU/100 mL	ISO 9308– 1:2014 / Amd.1:2016	< 1	< 1(***)	-
7.98	Tụ cầu vàng <i>Staphylococcus aureus</i>	CFU/100 mL	SMEWW 9213B (Ed. 24)	< 1	< 1(***)	-
7.99	Trực khuẩn mũ xanh <i>Ps. Aeruginosa</i>	CFU/100 mL	ISO 16266:2006	< 1	< 1(***)	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*



KT3-02771AMT4

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10/06/2024
Trang/ Page 011 / 011

Ghi chú/ Notice:

(***): Kết quả được biểu thị “< 1 CFU” được xem là “không phát hiện vi sinh vật mục tiêu” trên thể tích mẫu kiểm tra/ *The result “<1 CFU” is considered “target organism not-detectable” in the volume of sample analysed*

SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Waste water

TCVN: Tiêu Chuẩn Quốc Gia/ *National standards*

US EPA: United States Environmental Protection Agency

(³) Hàm lượng chlordane khảo sát trên các cấu tử sau/ Chlordane was determined based on the following compounds: α -chlordane, γ -chlordane

QCVN 01-1:2018/BYT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt/ *National technical regulation on Domestic Water Quality*

(**): Là giới hạn định lượng của phương pháp thử/ *Limit of quantification of method (LOQ)*

KPH: Không phát hiện/ *Not detected*

QUATEST 3®

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chỉ tiêu chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

